

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ 1 MÔN TIN 6

I. PHẦN CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Máy tính gồm có những thành phần nào để thực hiện các hoạt động xử lý thông tin trong máy tính?

Câu 2: Nêu các thành phần chính của mạng máy tính?

Câu 3: Internet là gì? Nêu các đặc điểm chính của Internet?

Câu 4: Nêu các lợi ích của Internet?

Câu 5: Một thẻ nhớ 4 GB lưu trữ được bao nhiêu ảnh 512 KB?

Câu 6: Một thẻ nhớ 2 GB chứa được khoảng bao nhiêu bản nhạc? Biết rằng mỗi bản nhạc có dung lượng khoảng 4 MB.

Câu 7: Hãy mã hóa các số 5; 12 và 15 thành dãy bit?

II. PHẦN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Dữ liệu chỉ có ở trong máy tính.
- B. Dữ liệu là những giá trị số do con người nghĩ ra.
- C. Dữ liệu được thể hiện dưới dạng con số, văn bản, hình ảnh, âm thanh.
- D. Dữ liệu chỉ có thể được hiểu bởi những người có trình độ cao.

Câu 2: Chúng ta gọi dữ liệu hoặc lệnh được nhập vào máy tính là gì?

- A. Thông tin máy tính.
- B. Thông tin vào.
- C. Thông tin ra.
- D. Dữ liệu được lưu trữ.

Câu 3: Giả sử em là lớp trưởng của lớp. Theo em, thông tin nào không phải là thông tin cần xử lý (thông tin vào) để xếp loại các tổ cuối tuần?

- A. Số lượng bạn ăn bán trú.
- B. Số các bạn bị ghi tên vì đi muộn.
- C. Số bạn không mặc áo đồng phục.
- D. Số bạn bị cô giáo nhắc nhở.

Câu 4: Nghe bản tin dự báo thời tiết “Ngày mai trời có thể nắng”, em sẽ xử lý thông tin và quyết định như thế nào (thông tin ra) ?

- A. Mặc đồng phục.
- B. Đi học mang theo áo mưa.
- C. Ăn sáng trước khi đến trường.
- D. Đi học mang theo ô, mũ.

Câu 5: Thông tin dạng âm thanh là thông tin nào bên dưới đây?

- A. Tiếng chim hót.
- B. Đi học mang theo áo mưa.
- C. Ăn sáng trước khi đến trường.
- D. Hẹn bạn Hương cùng đi học.

Câu 6: Mắt thường không thể tiếp nhận những thông tin nào dưới đây?

- A. Rác bần vút ngoài hành lang lớp học.
- B. Những con vi trùng gây bệnh lị lẫn trong thức ăn bị ôi thiu.
- C. Đoàn kiến đang “tấn công” lọ đường quên đây nắp.
- D. Bạn Phương quên không đeo khăn quàng đỏ.

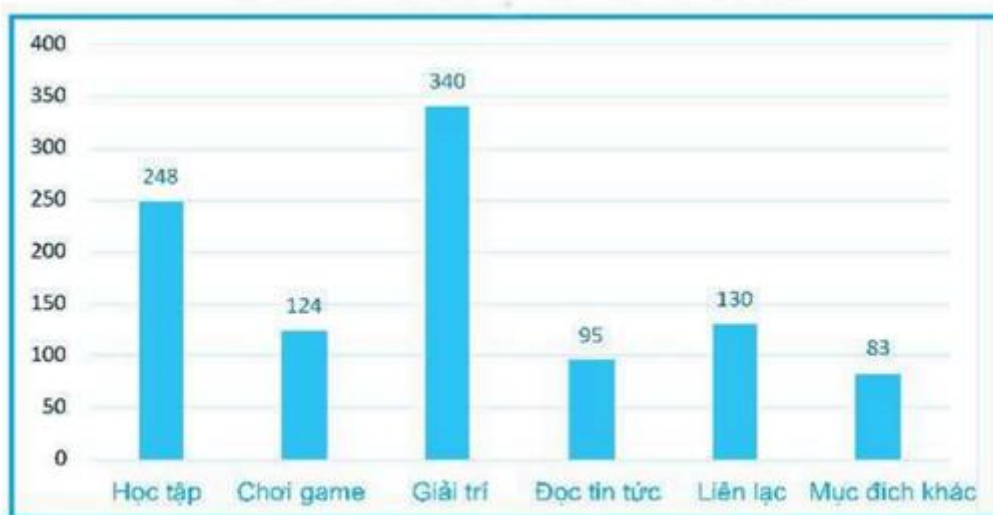
Câu 7: Trước khi sang đường theo em, con người phải xử lý những thông tin gì?

- A. Nghĩ về bài toán hôm qua trên lớp chưa làm được.
- B. Quan sát xem có phương tiện giao thông đang đến gần không.
- C. Quan sát xem đèn tín hiệu giao thông đang bật màu gì.
- D. Kiểm tra lại đồ dùng học tập đã có đủ trong cặp sách chưa.

Câu 8: Công cụ nào sau đây không phải là vật mang tin?

- A. Giấy.
- B. Thẻ nhớ.
- C. Đĩa CD, DVD.
- D. Xô, chậu.

Câu 9: Bạn Khoa vẽ biểu đồ trên giấy như sau:



Hình 3. Biểu đồ cột

Theo em tờ giấy của bạn Khoa đóng vai trò là gì?

- A. Vật mang tin.
- B. Thông tin.
- C. Dữ liệu.
- D. Tất cả đều đúng.

Câu 10: Phương án nào sau đây là thông tin?

- A. Tệp lưu trữ tài liệu về điều tra dân số.
- B. Phiếu điều tra dân số.
- C. Kiến thức về phân bố dân cư.
- D. Các con số thu thập được thông qua cuộc điều tra dân số.

Câu 11: Phát biểu nào sau đây đúng về lợi ích của thông tin?

- A. Có độ tin cậy cao, không phụ thuộc vào dữ liệu.
- B. Đem lại hiểu biết và giúp con người có những lựa chọn tốt.
- C. Có độ tin cậy cao, đem lại hiểu biết cho con người.
- D. Đem lại hiểu biết cho con người, không phụ thuộc vào dữ liệu.

Câu 12: Xem bản tin dự báo thời tiết như Hình 1, bạn Khoa kết luận: “*Hôm nay, trời có mưa*”. Phát biểu nào sau đây đúng?



Hình 1. Bản tin dự báo thời tiết

- A. Bản tin thời tiết là thông tin, kết luận của Khoa là là dữ liệu.
- B. Bản tin dự báo thời tiết là dữ liệu, kết luận của Khoa là thông tin.
- C. Bản tin dự báo thời tiết và kết luận của Khoa đều là dữ liệu.
- D. Những con số trong bản tin dự báo thời tiết là thông tin.

Câu 13: Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Sự tiếp nhận thông tin phụ thuộc vào sự hiểu biết của mỗi người.
- B. Thông tin là những gì có giá trị, dữ liệu là những thứ vô giá trị.
- C. Thông tin đem lại cho con người sự hiểu biết.
- D. Thông tin có thể làm thay đổi hành động của con người.

Câu 14: Hình 5 là thuộc tính của tệp IMG_0123.jpg lưu trữ trong máy tính.



Hình 5. Tệp ảnh lưu trên máy tính

Tệp ảnh IMG_0123.jpg có dung lượng bao nhiêu?

- A. 44 byte.
- B. 44 kilobit.
- C. 44 kilobyte.
- D. 0,44 megabyte.

Câu 15: Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Mọi thông tin muốn có được, con người sẽ phải tốn rất nhiều tiền.
- B. Không có sự phân biệt giữa thông tin và dữ liệu.
- C. Thông tin là kết quả của việc xử lý dữ liệu để nó trở nên có ý nghĩa.
- D. Dữ liệu chỉ có trong máy tính, không tồn tại bên ngoài máy tính.

Câu 16: Kết quả của việc nhìn thấy hoặc nghe thấy ở con người được xếp vào hoạt động nào trong quá trình xử lý thông tin?

- A. Thu nhận.
- B. Lưu trữ.
- C. Xử lý.
- D. Truyền.

Câu 17: Các thao tác lập luận, giải thích, phân tích, phán đoán, tưởng tượng, ... của con người được xếp vào hoạt động nào trong quá trình xử lý thông tin?

- A. Thu nhận.
- B. Lưu trữ.
- C. Xử lí.
- D. Truyền.

Câu 18: Các thao tác nói, chia sẻ, thông báo, tuyên truyền, biểu đạt, trò chuyện, ... của con người được xếp vào hoạt động nào trong quá trình xử lý thông tin?

- A. Thu nhận.
- B. Lưu trữ.
- C. Xử lí.
- D. Truyền.

Câu 19: Bàn phím, chuột, máy quét và webcam là những ví dụ về loại thiết bị nào của máy tính?

- A. Bộ nhớ.
- B. Thiết bị lưu trữ.
- C. Thiết bị vào.
- D. Thiết bị ra.

Câu 20: Máy tính có thể thực hiện hàng tỉ phép tính trong bao lâu?

- A. Một giây.
- B. Một giờ.
- C. Một phút.

Câu 21: Thiết bị nào sau đây *không phải* là thiết bị ra của máy tính?

- A. Micro.
- B. Máy in.
- C. Màn hình.
- D. Loa.

Câu 22: Đặc điểm nào sau đây *không thuộc* về máy tính?

- A. Thực hiện nhanh và chính xác.
- B. Suy nghĩ sáng tạo.
- C. Lưu trữ lớn.
- D. Hoạt động bèn bí.

Câu 23: Các hoạt động xử lý thông tin gồm:

- A. Đầu vào, đầu ra.
- B. Thu nhận, xử lí, lưu trữ, truyền.
- C. Nhìn, nghe, suy đoán, kết luận.
- D. Mở bài, thân bài, kết luận.

Câu 24: Thao tác ghi nhớ và cất giữ tài liệu của con người được xếp vào hoạt động nào trong quá trình xử lý thông tin?

- A. Thu nhận.

- B. Lưu Trữ.
- C. Xử lí.
- D. Truyền.

Câu 25: Sức mạnh của máy tính tùy thuộc vào đâu?

- A. Khả năng tính toán nhanh.
- B. Giá thành ngày càng rẻ.
- C. Khả năng và sự hiểu biết của con người.
- D. Khả năng lưu trữ lớn.

Câu 26: Thiết bị cho em thấy các hình ảnh hay kết quả hoạt động của máy tính là gì?

- A. Bàn phím.
- B. CPU.
- C. Chuột.
- D. Màn hình.

Câu 27: Máy tính gồm mấy thành phần để có thể thực hiện được các hoạt động xử lí thông tin?

- A. 3.
- B. 4.
- C. 5.
- D. 6.

Câu 28: Dữ liệu được máy tính lưu trữ dưới dạng:

- A. Số thập phân.
- B. Dãy bit.
- C. Thông tin.
- D. Các kí tự.

Câu 29: Dữ liệu trong máy tính được mã hóa thành dãy bit vì:

- A. Dãy bit chiếm ít dung lượng nhớ hơn.
- B. Dãy bit được xử lí dễ dàng hơn.
- C. Dãy bit đáng tin cậy hơn.
- D. Máy tính chỉ làm việc với hai kí hiệu 0 và 1.

Câu 30: Đơn vị đo dung lượng thông tin nhỏ nhất là gì?

- A. Digit.
- B. Byte.
- C. Kilobyte.
- D. Bit.

Câu 31: Một bit được biểu diễn bằng:

- A. Chữ số bất kì.
- B. Một chữ cái.
- C. Kí hiệu 0 hoặc 1.
- D. Một kí hiệu đặc biệt.

Câu 32: Bao nhiêu “bit” tạo thành một “byte”?

- A. 36.
- B. 32.
- C. 9.
- D. 8.

Câu 33: Bao nhiêu “byte” tạo thành một “kilobyte”?

- A. 64.
- B. 8.
- C. 1 024.
- D. 2 028.

Câu 34: Đơn vị đo dữ liệu nào sau đây lớn nhất?

- A. Bit.
- B. Kilobyte.
- C. Megabyte.
- D. Gigabyte.

Câu 35: Một gigabyte xấp xỉ bằng:

- A. Một nghìn byte.
- B. Một triệu byte.
- C. Một tỉ byte.
- D. Một nghìn tỉ byte.

Câu 36: Khả năng lưu trữ của một thiết bị nhớ được gọi là gì?

- A. Thẻ tích nhớ.
- B. Năng lực nhớ.
- C. Dung lượng nhớ.
- D. Khối lượng nhớ.

Câu 37: Một thẻ nhớ 4 GB lưu trữ được bao nhiêu ảnh 512 KB?

- A. 2 nghìn ảnh.
- B. 4 nghìn ảnh.
- C. 8 triệu ảnh.
- D. 8 nghìn ảnh.

Câu 38: Một ổ cứng di động 2 TB có dung lượng nhớ tương đương bao nhiêu?

- A. 2 048 KB.
- B. 1 024 MB.
- C. 2 048 MB.
- D. 2 048 GB.

Câu 39: Một thẻ nhớ 2 GB chứa được khoảng bao nhiêu bản nhạc? Biết rằng mỗi bản nhạc có dung lượng khoảng 4 MB.

- A. 12.
- B. 120.
- C. 512.
- D. 5120.

Câu 40: Dây bit là gì?

- A. Là âm thanh phát ra từ máy tính.
- B. Là dãy những chữ số từ 0 đến 9.
- C. Là một dãy chỉ gồm chữ số 2.
- D. Là dãy những kí hiệu 0 và 1.

Câu 41: Một mạng máy tính gồm:

- A. Tối thiểu năm máy tính được liên kết với nhau.
- B. Hai hoặc nhiều máy tính được kết nối với nhau.
- C. Một số máy tính bàn.
- D. Tất cả các máy tính trong một phòng hoặc trong một tòa nhà.

Câu 42: Mạng máy tính không cho phép người sử dụng chia sẻ

- A. Máy in.
- B. Máy quét.
- C. Bàn phím và chuột.
- D. Dữ liệu.

Câu 43: Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Người sử dụng có thể giao tiếp với nhau trên mạng máy tính.
- B. Trong một mạng máy tính, các tài nguyên như máy in có thể được chia sẻ.
- C. Virus có thể lây lan sang các máy tính khác trong mạng máy tính.
- D. Người sử dụng không thể chia sẻ dữ liệu trên máy tính của mình cho người khác trong cùng một mạng máy tính.

Câu 44: Trong các nhận định sau, nhận định nào không phải là lợi ích của việc sử dụng mạng máy tính?

- A. Giảm chi phí khi dùng chung phần cứng.
- B. Giảm chi phí khi dùng chung phần mềm.
- C. Người sử dụng có quyền kiểm soát độc quyền đối với dữ liệu và ứng dụng của riêng họ.
- D. Cho phép chia sẻ dữ liệu, tăng hiệu quả sử dụng.

Câu 45: Thiết bị nào sau đây không phải là thiết bị đầu cuối?

- A. Máy in.
- B. Máy tính.
- C. Bộ định tuyến.
- D. Máy quét.

Câu 46: Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Mạng không dây có thể kết nối ở mọi địa hình.
- B. Mạng có dây kết nối các máy tính bằng dây dẫn mạng.
- C. Mạng có dây dễ sửa và lắp đặt hơn mạng không dây vì có thể nhìn thấy dây dẫn.
- D. Mạng không dây không chỉ kết nối các máy tính mà còn cho phép kết nối các thiết bị thông minh khác như điện thoại di động, ti vi, tủ lạnh, ...

Câu 47: Phát biểu nào sau đây không chính xác?

- A. Mạng không dây thuận tiện cho những người di chuyển nhiều.
- B. Mạng không dây nhanh và ổn định hơn mạng có dây.
- C. Mạng không dây dễ dàng lắp đặt hơn vì không cần khoan đục và lắp đặt đường dây.
- D. Mạng không dây thường được sử dụng cho các thiết bị di động như máy tính bảng, điện thoại, ...

Câu 48: Mạng máy tính gồm các thành phần:

- A. Máy tính và thiết bị kết nối.
- B. Máy tính và phần mềm mạng.
- C. Thiết bị đầu cuối, thiết bị kết nối và phần mềm mạng.
- B. Thiết bị đầu cuối và thiết bị kết nối.

Câu 49: Phát biểu sai là?

- A. Đường truyền dữ liệu có hai loại: nhìn thấy và không nhìn thấy.
- B. Đường truyền dữ liệu nhìn thấy sử dụng dây dẫn mạng.
- C. Kết nối không dây giúp người sử dụng có thể linh hoạt thay đổi vị trí mà vẫn duy trì kết nối mạng.
- D. Kết nối không dây chỉ dùng với thiết bị di động.

Câu 50: Thiết bị đầu cuối nào có thể kết nối Bộ chuyển mạch (Switch)?

- A. Ti vi.
- B. Máy in.
- C. Điện thoại thông minh.

Câu 51: Hãy chọn đáp án đúng

Máy tính kết nối với nhau để:

- A. Chia sẻ các thiết bị.
- B. Thuận lợi cho việc sửa chữa.
- C. Trao đổi dữ liệu.
- D. Tiết kiệm điện.

Câu 52: Em hãy cho biết vì sao người dùng có thể tiếp cận, chia sẻ thông tin một cách nhanh chóng tiện lợi, không phụ thuộc vào vị trí địa lí khi kết nối vào?

- A. Máy tính.
- B. Laptop.
- C. mạng máy tính.
- D. Mạng internet.

Câu 53: Phát biểu nào sau đây **đúng**?

- A. Internet chỉ là mạng kết nối các trang thông tin trên phạm vi toàn cầu.
- B. Internet là một mạng các máy tính liên kết với nhau trên toàn cầu.
- C. Internet là mạng truyền hình kết nối các thiết bị nghe nhìn trong phạm vi một quốc gia.
- D. Internet là mạng kết nối các thiết bị có sử dụng chung nguồn điện.

Câu 54: Để kết nối với Internet, máy tính phải được cài đặt và cung cấp dịch vụ bởi:

- A. Một máy tính khác.
- B. Người quản trị mạng xã hội.
- C. Nhà cung cấp dịch vụ Internet.
- D. Người quản trị mạng máy tính.

Câu 55: Phát biểu nào **không đúng** khi nói về Internet?

- A. Một mạng lưới rộng lớn kết nối hàng triệu máy tính trên khắp thế giới.
- B. Một mạng kết nối các hệ thống máy tính và các thiết bị với nhau giúp người sử dụng có thể xem, tìm kiếm, chia sẻ và trao đổi thông tin, ...
- C. Một mạng công cộng không thuộc sở hữu hay do bất kì một tổ chức hoặc cá nhân nào điều hành.

D. Một mạng kết nối các máy tính với nhau được tổ chức và giám sát bởi một cơ quan quản lí.

Câu 56: Phát biểu nào sau đây *không phải* là đặc điểm của Internet?

- A. Phạm vi hoạt động trên toàn cầu.
- B. Có nhiều dịch vụ đa dạng và phong phú.
- C. Không thuộc quyền sở hữu của ai.
- D. Thông tin chính xác tuyệt đối.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây *không phải* là lợi ích của việc sử dụng Internet đối với học sinh?

- A. Giúp mở rộng giao lưu kết bạn với các bạn ở nước ngoài.
- B. Giúp tiết kiệm thời gian và cung cấp nhiều tư liệu làm bài tập dự án.
- C. Giúp nâng cao kiến thức bằng cách tham gia các khóa học trực tuyến.
- D. Giúp giải trí bằng cách xem mạng xã hội và chơi điện tử suốt cả ngày.

Câu 58: Ý kiến nào sau đây là sai?

- A. Kho thông tin trên Internet là khổng lồ.
- B. Chúng ta có thể sử dụng bất kì thông tin nào trên Internet mà không cần xin phép.
- C. Internet cung cấp môi trường làm việc trực tuyến, giải trí từ xa.
- D. Người sử dụng có thể tìm kiếm, trao đổi thông tin trên Internet.

Câu 59: Khi sử dụng lại các thông tin trên mạng cần lưu ý đến vấn đề là:

- A. Bản quyền.
- B. Các từ khóa liên quan đến trang web.
- C. Địa chỉ của trang web.
- D. Các từ khóa liên quan đến thông tin cần tìm.

Câu 60: Người dùng có thể tiếp cận và chia sẻ thông tin một cách nhanh chóng, tiện lợi, không phụ thuộc vào vị trí địa lý khi người dùng kết nối vào đâu?

- A. Laptop.
- B. Máy tính.
- C. Internet.
- D. Mạng máy tính.

Câu 61: Đặc điểm chính của Internet?

- A. Tính toàn cầu.
- B. Tính tương tác.
- C. Tính không sở hữu.
- D. Tính toàn cầu, Tính tương tác, Tính không sở hữu.

Câu 62: Ai là chủ sở hữu của mạng Internet?

- A. Đất nước.
- B. Người sáng lập.
- C. Không ai là chủ sở hữu.
- D. Nhà khoa học.